TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-02- 2022
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Bà Phạm Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thiên Bảo- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 178/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-HNGĐ ngày04 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Nguyên đơn: Anh Lương Văn B; Sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L N, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm 1980(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L N, huyện B T, tỉnh T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án anh B trình bày: Anh B và chị H tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Ngày 03tháng 03 năm 2007 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L N. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống hạnh phúc nhưng không có con chung. Cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt rồi lạnh lùng với nhau. Chị H lúc đầu xin đi làm ăn thi thoảng về, rồi vợ chồng ít gần gũi và chị H với anh B mỗi lẫn gặp nhau gần như không có chuyện nói với nhau. Cuộc sống căng thẳng,vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh B xét thấy không còn tình cảm với chị Hiền nên xin ly hôn.

Về con chung: Không có con chung

Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến làm việc nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa anh Lương Văn B có đơn xin xử vắng mặt. Anh B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho anh B ly hôn chị H. Về tài sảnvà nợ chung anh B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí anh B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 227 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]*Về hôn nhân:* Lương Văn B và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3]*Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa Lương Văn B và chị Nguyễn Thị H đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay anh B xác định không còn tình cảm vợ chồng và thiết tha xin ly hôn. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lương Văn B ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Không có

*Về tài sản chung:*Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Không có

[4].*Về án phí:* Anh Lương Văn B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227; Điểm a, b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lương Văn B. Xử cho anh Lương Văn B ly hôn chị Nguyễn Thị H

- Về con chung: Không có

- Tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

3. Về án phí: Anh Lương Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã đóng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007650 ngày 30 tháng 09 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T (anh Bích đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị H. Anh B và chị H quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện Bá Thước
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên